|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG BÌNH**  Số: /2022/NQ-HĐND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Quảng Bình, ngày tháng năm 2022* |

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn**

**ngân sách trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**KHÓA ....., KỲ HỌP THỨ ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../.../2022 của UBND tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày .../.../2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.**Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết;

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - VPQH, VPCP, VPCTN;  - Các Bộ: NN&PTNT, KH&ĐT, TC;  - Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;  - Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT;  - TVTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;  - Đoàn ĐBQH, TAND, VKSND tỉnh;  - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;  - TT HĐND, UBND cấp huyện;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Công báo tỉnh;  - Lưu: VT, KTNS. |  | **CHỦ TỊCH**  **Trần Hải Châu** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂNDÂN**  **TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương,**

**tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

**trên địa bàn tỉnh Quảng****Bình**

*(Kèm theo Nghị quyết số: /2022/NQ-HĐND ngày /6/2022*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (sau đây gọi tắt là Chương trình); là căn cứ để các cấp, các ngành và các đơn vị liên quan lập kế hoạch trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố; các xã và các đơn vị sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025 để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (sau đây gọi tắt là các Sở, ban, ngành, địa phương).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 – 2025.

**Điều 3. Mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025**

1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục triển khai Chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hoá, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hoá truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Phấn đấu đến hết năm 2025: Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 87% (112 xã); có 39 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 13 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 02 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn trước được công nhận lại đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

- Cơ bản hoàn thành các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn: giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế xã.

2. Nhiệm vụ:

a. Thường xuyên củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và chất lượng đội ngũ cán bộ theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả.

b. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức để tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của các thành phần kinh tế và các tầng lớp nhân dân cùng tham gia thực hiện Chương trình.

c. Triển khai tập huấn, đào tạo cho đội ngũ cán bộ thực hiện xây dựng chương trình nông thôn mới các cấp. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

d. Lập kế hoạch và xác định lộ trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với từng địa phương:

- Đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn hướng dẫn, phối hợp chặt chẽ với các xã thực hiện rà soát, đánh giá cụ thể kết quả thực hiện và tính ổn định, bền vững của từng tiêu chí; xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện để được công nhận lại theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2021 - 2025. Đẩy mạnh xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Đối với các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới: Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung chỉ đạo, phân công cụ thể lãnh đạo phụ trách, đồng thời lựa chọn những cán bộ có kinh nghiệm của các phòng, ban chuyên môn hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương rà soát, đánh giá. Căn cứ kết quả rà soát, tổ chức lập kế hoạch, xác định mục tiêu, lộ trình, giải pháp thực hiện cụ thể đối với từng xã.

đ. Phát triển sản xuất hàng hoá và các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn, hình thành nên các chuỗi liên kết trong sản xuất, tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp để tăng thu nhập cho cư dân nông thôn.

e. Nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, góp phần nâng cao chất lượng lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, thực hiện hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

f. Đa dạng hóa các nguồn vốn để triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới; gắn kết chặt chẽ Chương trình với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các chương trình mục tiêu khác. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn; ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước, có giải pháp huy động thêm các nguồn lực hợp pháp khác.

g. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong việc triển khai xây dựng nông thôn mới, nhất là việc xây dựng, quản lý và sử dụng các công trình, việc huy động sự đóng góp của nhân dân.

**Điều 4. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình**

1. Nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh, cùng với nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch và phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Sở, ban, ngành, địa phương; đảm bảo công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãnh phí.

3. Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt dưới 15 tiêu chí.

4. Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí đã đạt chuẩn nhưng ở mức thấp để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững. Cấp tỉnh, cấp huyện cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

5. Ngân sách địa phương đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng cho cả Chương trình theo tỷ lệ được quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

**Điều 5. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương**

1. Tiêu chí phân bổ:

- Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện năm 2022): Xã đặc biệt khó khăn: hệ số 4,0; các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: hệ số 1,3; các xã còn lại không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên *(bao gồm cả các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững)*: hệ số 1,0.

- Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2022-2025 *(trừ các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển)*: Xã đạt dưới 15 tiêu chí: hệ số 5,0; xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí hệ số 3,0; xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: hệ số 1,0.

2. Định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương:

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021 – 2025 là 563.040 triệu đồng, trong đó:

- Vốn cho năm 2021 là: 101.920 triệu đồng;

- Vốn cho giai đoạn 2022 - 2025 là: 461.120 triệu đồng, trong đó bố trí khoảng 10% vốn dự phòng đầu tư phát triển (46.112 triệu đồng) để thực hiện các chuyên đề, dự án thuộc chương trình:

Định mức phân bổ thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có xét đến điều kiện thực tế của địa phương, cụ thể như sau:

a) Vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện năm 2022) phân bổ cho 128 xã như sau:

+ Nhóm 1: Xã đặc biệt khó khăn (18 xã): hệ số 4,0; tương đương bình quân khoảng 2.179 triệu đồng/xã.

+ Nhóm 2: Các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên (17 xã): hệ số 1,3; tương đương bình quân khoảng 708 triệu đồng/xã.

+ Nhóm 3: Các xã còn lại không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (93 xã) *(bao gồm cả các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững)*: hệ số 1,0; tương đương bình quân khoảng 545 triệu đồng/xã.

b) Vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2022-2025 phân bổ cho 110 xã *(trừ các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển)* theo hệ số như sau:

| **Nhóm xã** | **Hệ số** | **Số vốn giai đoạn 2021-2025** |
| --- | --- | --- |
| Nhóm 1: Các xã đạt dưới 15 tiêu chí (8 xã) | 5,0 | 11.790 triệu đồng/xã |
| Nhóm 2: Các xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí, các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo lộ trình 2021 – 2025 (17 xã) | 3,0 | 7.074 triệu đồng/xã |
| Nhóm 3: Các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2013-2020 (85 xã). | 1,0 | 2.360 triệu đồng/xã |

Căn cứ định mức cho từng nhóm xã trên và số vốn mà Trung ương phân bổ hàng năm, Uỷ ban nhân dân tỉnh xác định cụ thể định mức phân bổ chi tiết hàng năm cho từng xã.

c) Phân bổ vốn cho các Chương trình, chuyên đề:

Phân bổ vốn thực hiện các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới *(bao gồm:* *Chương trình Mỗi xã một sản phẩm; Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới; Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh; Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới)*; hỗ trợ thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ: tối đa 10% vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương.

**Điều 6. Phân bổ vốn sự nghiệp từ ngân sách Trung ương**

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình, UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho các cấp (tỉnh, huyện, xã), các ngành để triển khai hiệu quả nguòn vốn được giao và hoàn thành các mục tiêu theo thứ tự ưu tiên được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể: Bố trí vốn để thực hiện các nội dung: nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, trong đó chú trọng hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn gắn với liên kết theo chuỗi giá trị; xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm và phát triển ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết theo chuỗi giá trị; đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường; thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của cán bộ các cấp và người dân về phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới....; bố trí vốn thực hiện các chương trình chuyên đề; hỗ trợ thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số [1804/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/quyet-dinh-1804-qd-ttg-2020-phe-duyet-chuong-trinh-ho-tro-phat-trien-kinh-te-tap-the-hop-tac-xa-457680.aspx) ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số [167/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/quyet-dinh-167-qd-ttg-2021-nhan-rong-mo-hinh-hop-tac-xa-kieu-moi-hieu-qua-tai-cac-dia-phuong-464759.aspx) ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; bố trí kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp ở địa phương theo quy định.

**Điều 7. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình**

Ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 từ các nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Chương trình. Trong quá trình điều hành, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo lồng ghép, cân đối các nguồn vốn, đồng thời có các giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để hỗ trợ thực hiện Chương trình. Đảm bảo tỷ lệ đối ứng tối thiểu: 1:1 trong giai đoạn 2021-2025./.